

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025  
(đã được kiểm toán)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-49
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-49

1077  
CÔ  
CHN  
NG  
A  
74

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 21 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Việt	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Bá Hiệ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/08/2025
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

Ông Phạm Hữu Phú	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Đinh Việt Anh	Thành viên

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Đinh Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Trương Văn Việt – Tổng Giám đốc được ông Đinh Việt Anh ủy quyền ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo Giấy Ủy quyền số 007/2025/UQ0-HG ngày 02/07/2025.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



Số: 300326.015/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Tuấn Anh**

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

**Đặng Huy Hoàng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.822.770.219.684</b>	<b>1.526.027.552.999</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.341.224.253	42.242.862.847
111	1. Tiền		11.341.224.253	42.242.862.847
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	235.748.268.161	158.435.580.071
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		235.748.268.161	158.435.580.071
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		733.325.473.544	598.536.744.324
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	554.587.397.321	479.337.975.915
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	131.834.408.576	80.307.254.618
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	46.903.667.647	38.891.513.791
140	IV. Hàng tồn kho	8	797.041.054.075	683.944.075.529
141	1. Hàng tồn kho		797.041.054.075	683.944.075.529
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		45.314.199.651	42.868.290.228
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.539.551.863	6.582.012.374
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		40.065.567.185	36.286.277.854
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	709.080.603	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.170.546.523.936</b>	<b>945.184.229.393</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.599.939.016	6.246.856.657
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	6.599.939.016	6.246.856.657
220	II. Tài sản cố định		982.890.850.772	293.145.285.013
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	877.210.670.469	174.016.757.053
222	- Nguyên giá		1.321.102.221.158	577.478.370.323
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(443.891.550.689)	(403.461.613.270)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	44.830.872.122	56.336.070.407
225	- Nguyên giá		61.226.836.858	67.409.423.358
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.395.964.736)	(11.073.352.951)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	60.849.308.181	62.792.457.553
228	- Nguyên giá		68.245.571.219	68.204.471.219
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.396.263.038)	(5.412.013.666)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	5.741.634.327	460.417.449.070
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.741.634.327	460.417.449.070
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	138.486.128.623	131.032.218.869
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		138.486.128.623	128.032.218.869
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		36.827.971.198	54.342.419.784
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	30.817.065.752	47.036.738.493
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.a	-	370.021.161
269	3. Lợi thế thương mại	14	6.010.905.446	6.935.660.130
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.993.316.743.620</b>	<b>2.471.211.782.392</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.223.297.414.014</b>	<b>1.723.493.618.126</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.798.133.492.974</b>	<b>1.338.284.164.221</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	317.828.268.210	278.615.664.605
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	79.365.951.240	68.040.488.517
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	15.001.512.775	21.122.532.154
314	4. Phải trả người lao động		14.794.229.597	16.602.439.323
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	17.395.665.814	14.450.223.537
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	17.491.942.932	61.230.124.075
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	1.313.609.291.220	864.219.493.965
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		22.646.631.186	14.003.198.045
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>425.163.921.040</b>	<b>385.209.453.905</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	49.216.060.600	48.552.878.934
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	5.220.000.000	150.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	357.897.819.695	323.254.050.154
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.b	12.830.040.745	13.252.524.817
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>770.019.329.606</b>	<b>747.718.164.266</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>770.019.329.606</b>	<b>747.718.164.266</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.010.480.000	40.010.480.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		94.396.675.823	57.353.390.932
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		148.677.194.664	163.414.518.842
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		111.306.389.924	95.911.408.995
421b	LNST chưa phân phối năm nay		37.370.804.740	67.503.109.847
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		36.934.979.119	36.939.774.492
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.993.316.743.620</b>	<b>2.471.211.782.392</b>

Huỳnh Thị Hải Yến  
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan  
Kế toán trưởngTrương Văn Việt  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	2.095.709.088.788	1.692.068.298.858
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	56.166.614	231
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.095.652.922.174	1.692.068.298.627
11	4. Giá vốn hàng bán	25	1.823.449.728.467	1.425.928.927.552
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		272.203.193.707	266.139.371.075
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	23.210.875.101	8.758.836.895
22	7. Chi phí tài chính	27	114.080.431.530	61.991.179.349
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		102.237.552.590	56.620.018.291
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		10.453.909.754	16.532.814.192
25	9. Chi phí bán hàng	28	71.444.296.179	76.190.154.054
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	67.648.687.102	65.898.742.680
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.694.563.751	87.350.946.079
31	12. Thu nhập khác	30	507.620.772	1.364.473.885
32	13. Chi phí khác	31	2.318.257.843	4.895.962.549
40	14. Lợi nhuận khác		(1.810.637.071)	(3.531.488.664)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50.883.926.680	83.819.457.415
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	13.291.791.110	17.079.838.488
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.c	(52.462.911)	(792.505.233)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>37.644.598.481</b>	<b>67.532.124.160</b>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		37.370.804.740	67.503.109.847
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		273.793.741	29.014.313
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	830	1.500

*[Signature]*

**Huỳnh Thị Hải Yến**  
Người lập

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

*[Signature]*

**Nguyễn Thị Kim Loan**  
Kế toán trưởng



**Trương Văn Việt**  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		50.883.926.680	83.819.457.415
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		53.310.078.660	37.722.458.641
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.825.902.097)	2.350.071.344
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.126.919.752)	(20.706.834.883)
06	- Chi phí lãi vay		102.237.552.590	56.620.018.291
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		182.478.736.081	159.805.170.808
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(135.636.682.650)	63.991.230.811
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(113.096.978.546)	(294.869.015.050)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		72.871.514.291	71.738.331.841
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		18.262.133.252	13.058.243.854
14	- Tiền lãi vay đã trả		(101.657.089.766)	(56.412.344.043)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.458.865.622)	(22.991.558.787)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.700.000.000)	(6.700.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(98.937.232.960)	(72.379.940.566)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(347.230.872.323)	(352.503.219.159)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		181.818.182	52.888.883.480
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(181.833.688.090)	(158.435.580.071)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		107.521.000.000	23.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.782.911.490	1.636.407.533
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(414.578.830.741)	(433.413.508.217)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	15.384.772.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.439.443.367.237	1.504.281.056.006
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(944.036.404.102)	(934.548.167.854)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(12.846.945.754)	(10.298.390.862)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(44.794.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		482.560.017.381	530.024.769.290

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(30.956.046.320)	24.231.320.507
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		42.242.862.847	17.925.609.914
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		54.407.726	85.932.426
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>11.341.224.253</u>	<u>42.242.862.847</u>

Huỳnh Thị Hải Yến  
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng



Trương Văn Việt  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2025*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 21 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 450.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 450.000.000.000 VND; tương đương 45.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 689 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 624 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất gạch ceramic, granite, porcelain và vật liệu xây dựng từ đất sét.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm 2025, mặc dù doanh thu của Công ty tiếp tục tăng trưởng 23,85% từ 1.692 tỷ VND lên 2.095,7 tỷ VND nhưng giá vốn đã tăng tới 27,85% từ mức 1.425,9 tỷ VND lên 1.823,46 tỷ VND. Mức tăng giá vốn cao hơn mức tăng doanh thu đã dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty đã giảm 6,05 tỷ VND, tương đương tỷ lệ giảm 2,27%. Bên cạnh đó chi phí lãi vay của Công ty trong năm 2025 tăng rất mạnh với tỷ lệ 80,57% tương ứng với mức tăng 45,6 tỷ VND so với năm 2024 do quy mô các khoản vay của Công ty tăng mạnh. Từ đó dẫn tới doanh thu của Công ty đã tăng mạnh nhưng mức lợi nhuận trước thuế cũng giảm mạnh với tỷ lệ 38,87% xuống còn 51,23 tỷ VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone	KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	92,00%	92,00%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh BĐS cho thuê.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

#### **2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

#### **2.5 . Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.7 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.8 . Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

## **2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết* mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh” và “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.10 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.11 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.12 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

### 2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

### 2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.18 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**2.20 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**2.25 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.26 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**2.27 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . TIỀN**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.487.894.403	3.972.514.779
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.853.329.850	38.270.348.068
	<u><u>11.341.224.253</u></u>	<u><u>42.242.862.847</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>235.748.268.161</b>	-	<b>158.435.580.071</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	235.748.268.161	-	158.435.580.071	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>	-	-	<b>3.000.000.000</b>	-
- Trái phiếu	-	-	3.000.000.000	-
	<b>235.748.268.161</b>	-	<b>161.435.580.071</b>	-

(\*) Tại ngày 31/12/2025, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 235.748.268.161 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 2,9%/năm đến 6,3%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

	31/12/2025				01/01/2025			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND				VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>								
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Đồng Nai	45%	45%	138.486.128.623	Đồng Nai	45%	45%	128.032.218.869
				<b>138.486.128.623</b>				<b>128.032.218.869</b>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 39.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>29.930.696.362</b>	-	<b>85.180.303.939</b>	-
Công ty Cổ phần Vinagres	8.621.739.958	-	25.602.313.404	-
Royal American Wholesale	2.282.921.075	-	2.338.141.668	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	6.705.149.684	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	10.913.634.493	-	36.639.606.433	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Miền Tây	8.112.400.836	-	13.895.092.750	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>524.656.700.959</b>	-	<b>394.157.671.976</b>	-
Công ty Cổ phần Top Tile	217.644.030.270	-	103.262.042.555	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	57.736.976.114	-	43.016.085.398	-
Rc Flooring Distributor	15.781.680.622	-	23.341.581.518	-
Care About Trading Co., Ltd	41.802.339.604	-	33.042.985.523	-
Công ty TNHH Mylux Việt Nam	36.288.673.532	-	33.346.694.862	-
New Pacific Marble & Title	18.383.739.962	-	25.229.178.850	-
Công Ty Cổ Phần Farrah Life	1.295.583.942	-	898.257.103	-
Phải thu khách hàng khác	135.723.676.913	-	132.020.846.167	-
	<b>554.587.397.321</b>	-	<b>479.337.975.915</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>35.997.676.983</b>	-	<b>10.510.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	1.778.538.122	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu tư Royal House	34.219.138.861	-	10.510.000.000	-
<b>Bên khác</b>	<b>95.836.731.593</b>	-	<b>69.797.254.618</b>	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân	6.895.833.094	-	6.895.833.094	-
Công Ty TNHH MTV Trang Minh Anh	4.941.943.291	-	4.941.943.291	-
Công ty TNHH MTV Võ Trường Phát	-	-	5.336.517.072	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tùng Thịnh Phát	3.899.999.996	-	6.875.194.154	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	46.996.192.659	-	32.225.032.044	-
Trả trước cho người bán khác	33.102.762.553	-	13.522.734.963	-
	<b>131.834.408.576</b>	-	<b>80.307.254.618</b>	-

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	4.255.036.530	-	1.546.756.204	-
Tạm ứng	549.575.600	-	-	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (1)(2)	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Phải thu liên quan thuê tài	1.067.010.344	-	1.241.563.393	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	3.484.598.081	-	-	-
Phải thu khác	1.547.447.092	-	103.194.194	-
	<b>46.903.667.647</b>	-	<b>38.891.513.791</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
Ông Huỳnh Sơn	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Tùng (1)				
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (2)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Tuyển	216.522.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	1.021.118.258	-	1.136.361.599	-
Các ngân hàng thương mại	4.255.036.530	-	1.546.756.204	-
Các đối tượng khác	5.410.990.859	-	208.395.988	-
	<b>46.903.667.647</b>	<b>-</b>	<b>38.891.513.791</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
Ký cược, ký quỹ	6.599.939.016	-	6.246.856.657	-
	<b>6.599.939.016</b>	<b>-</b>	<b>6.246.856.657</b>	<b>-</b>
<b>b.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	1.463.671.409	-	1.489.069.050	-
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	2.442.107.607	-	2.442.107.607	-
Các đối tượng	2.694.160.000	-	2.315.680.000	-
	<b>6.599.939.016</b>	<b>-</b>	<b>6.246.856.657</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
Ông Huỳnh Sơn	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Tùng (1)				
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (2)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
	<b>36.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(1) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty.

Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ VND còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ VND và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng.

Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ VND và đã thực hiện xong việc mua lô đất và xây dựng công trình trên đất. Hiện tại công trình đã hoàn thành phần xây dựng và đang tiến hành lắp đặt nội thất, trang thiết bị theo nhu cầu quản lý của Công ty đồng thời thực hiện các thủ tục để hoàn công công trình với cơ quan chức năng.

(2) Khoản thỏa thuận và giao việc cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm theo biên bản thỏa thuận số 06/HGK-NTBT/BBTT ngày 31/05/2022 về việc bà Nguyễn Thị Bích Trâm chủ sở hữu Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 43, phường Long Phước, thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty.

Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án Văn phòng showroom Royal Sintered Stone. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 6 tỷ VND.

Bà Trâm đã thực hiện mua xong lô đất và đang trong quá trình lên kế hoạch xây dựng.

Do Công ty đang tập trung thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 nên quá trình thực hiện xây dựng Dự án Văn phòng showroom Royal Sintered Stone sẽ được thực hiện sau khi Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 đi vào hoạt động. Công ty cũng đã thu hồi 1 phần tiền giao cho Bà Nguyễn Thị Bích Trâm số tiền 8,3 tỷ VND để tập trung tài chính cho dự án này.

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	71.666.218	-	299.661.785	-
Nguyên liệu, vật liệu	192.937.245.665	-	102.085.045.670	-
Công cụ, dụng cụ	36.448.969.915	-	19.730.431.198	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.685.159.066	-	8.198.954.088	-
Thành phẩm	284.246.694.039	-	246.173.229.649	-
Hàng hoá	232.029.129.867	-	303.231.966.572	-
Hàng gửi đi bán	5.622.189.305	-	4.224.786.567	-
	<b>797.041.054.075</b>	<b>-</b>	<b>683.944.075.529</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**9 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>3.705.811.454</b>	<b>460.417.449.070</b>
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng RYG	-	925.925.926
- Hạng mục Công trình, Nhà xưởng, văn phòng Royal Sintered Stone	1.924.211.454	-
- Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0	-	458.261.523.144
- Thi công mái che, móng và sàn cho 2 cối nghiền xương 60 tấn	1.781.600.000	1.230.000.000
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>2.035.822.873</b>	<b>-</b>
- Thiết bị canh chỉnh Tấm gạch lớn	1.962.538.873	-
- Chi phí sử dụng phần mềm Misa Amis, phần mềm hóa đơn điện tử và gói triển khai phần mềm	73.284.000	-
	<b><u>5.741.634.327</u></b>	<b><u>460.417.449.070</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	148.977.227.938	405.066.812.937	16.345.907.191	3.944.152.222	3.144.270.035	577.478.370.323
- Mua trong năm	-	90.290.942.301	-	239.695.000	-	90.530.637.301
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	82.996.512.350	566.706.640.084	-	-	-	649.703.152.434
- Tăng do tài sản thuê tài chính chuyển thành	-	8.038.586.500	-	-	-	8.038.586.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.648.525.400)	-	-	(4.648.525.400)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>231.973.740.288</b>	<b>1.070.102.981.822</b>	<b>11.697.381.791</b>	<b>4.183.847.222</b>	<b>3.144.270.035</b>	<b>1.321.102.221.158</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	87.967.599.515	301.590.176.487	10.348.255.877	2.748.318.391	807.263.000	403.461.613.270
- Khấu hao trong năm	7.752.374.014	31.909.889.817	1.498.546.420	387.790.956	314.427.012	41.863.028.219
- Tăng do tài sản thuê tài chính chuyển thành	-	3.215.434.600	-	-	-	3.215.434.600
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.648.525.400)	-	-	(4.648.525.400)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>95.719.973.529</b>	<b>336.715.500.904</b>	<b>7.198.276.897</b>	<b>3.136.109.347</b>	<b>1.121.690.012</b>	<b>443.891.550.689</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	61.009.628.423	103.476.636.450	5.997.651.314	1.195.833.831	2.337.007.035	174.016.757.053
Tại ngày cuối năm	136.253.766.759	733.387.480.918	4.499.104.894	1.047.737.875	2.022.580.023	877.210.670.469

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 140.529.468.320 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 269.314.708.865 VND.

(\*) Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành quá trình đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành và chính thức đưa vào vận hành nhà máy gạch Porcelain 4.0 với giá trị Nhà cửa vật kiến trúc tăng thêm là 75.335.226.143 VND và giá trị Dây chuyền máy móc thiết bị là 566.706.640.084 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị	vận tải, truyền đẫn	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	56.301.950.904	11.107.472.454	67.409.423.358
- Thuê tài chính	-	1.856.000.000	1.856.000.000
- Chuyển tài sản thuê tài chính thành TSCĐ	(8.038.586.500)	-	(8.038.586.500)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>48.263.364.404</b>	<b>12.963.472.454</b>	<b>61.226.836.858</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	10.805.733.487	267.619.464	11.073.352.951
- Trích khấu hao	7.359.071.473	1.178.974.912	8.538.046.385
- Chuyển tài sản thuê tài chính thành TSCĐ	(3.215.434.600)	-	(3.215.434.600)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.949.370.360</b>	<b>1.446.594.376</b>	<b>16.395.964.736</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	45.496.217.417	10.839.852.990	56.336.070.407
Tại ngày cuối năm	<b>33.313.994.044</b>	<b>11.516.878.078</b>	<b>44.830.872.122</b>

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm quản lý	Lợi thế quyền thuê (*)	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	565.248.000	67.639.223.219	68.204.471.219
- Mua trong năm	41.100.000	-	41.100.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>606.348.000</b>	<b>67.639.223.219</b>	<b>68.245.571.219</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	534.185.067	4.877.828.599	5.412.013.666
- Khấu hao trong năm	33.117.933	1.951.131.439	1.984.249.372
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>567.303.000</b>	<b>6.828.960.038</b>	<b>7.396.263.038</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	31.062.933	62.761.394.620	62.792.457.553
Tại ngày cuối năm	<b>39.045.000</b>	<b>60.810.263.181</b>	<b>60.849.308.181</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 295.600.000 VND.

(\*) Giá trị lợi thế quyền thuê đất khu công nghiệp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 292958 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/12/2017 - thời hạn 35 năm 02 tháng theo chứng thư thẩm định giá Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang số 22/05/02/DN ngày 31/05/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Việt Nam.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.549.928.275	6.299.517.113
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	299.193.548	84.999.998
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	690.430.040	197.495.263
	<b>4.539.551.863</b>	<b>6.582.012.374</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.877.278.743	7.674.439.100
Chi phí thuê thương hiệu (*)	23.000.000.000	35.000.000.000
Chi phí chương trình phần mềm	2.684.403.166	4.362.299.393
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.255.383.843	-
	<b><u>30.817.065.752</u></b>	<b><u>47.036.738.493</u></b>

(\*) Chi phí sử dụng thương hiệu từ Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 giữa Công ty và Công ty TNHH Top Tile có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng với số tiền là 60 tỷ VND.

**14 . LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

Giá trị lợi thể thương mại của Công ty phát sinh khi mua Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone là 9.247.546.839 VND được phân bổ trong 10 năm. Tại ngày 31/12/2025, giá trị lợi thể thương mại chưa phân bổ là 6.010.905.446 VND, giá trị lợi thể thương mại phân bổ trong năm là 924.754.684 VND.

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>Bên liên quan</b>	<b>291.890.381</b>	<b>291.890.381</b>	<b>5.766.195.325</b>	<b>5.766.195.325</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	291.890.381	291.890.381	2.332.101.636	2.332.101.636
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	3.434.093.689	3.434.093.689
<b>Bên khác</b>	<b>317.536.377.829</b>	<b>281.006.301.390</b>	<b>272.849.469.280</b>	<b>272.849.469.280</b>
Công ty Cổ phần Frit Huế	15.861.531.790	15.861.531.790	11.235.721.330	11.235.721.330
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	8.928.768.073	8.928.768.073	3.701.565.394	3.701.565.394
Công ty Cổ phần Công nghệ Hexagon	1.503.830.519	1.503.830.519	7.943.838.176	7.943.838.176
Forwell International (HK) Co., LTD	46.238.674.300	46.238.674.300	58.916.696.697	58.916.696.697
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại	15.629.946.608	-	-	-
Công Ty TNHH Fritta Việt Nam	20.900.129.831	-	11.213.663.034	11.213.663.034
Phải trả các đối tượng khác	208.473.496.708	208.473.496.708	179.837.984.649	179.837.984.649
	<b><u>317.828.268.210</u></b>	<b><u>281.298.191.771</u></b>	<b><u>278.615.664.605</u></b>	<b><u>278.615.664.605</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>				
<b><i>Bên khác</i></b>				
Forwell International (HK) Co., LTD	49.216.060.600	49.216.060.600	48.552.878.934	48.552.878.934
	<b>49.216.060.600</b>	<b>49.216.060.600</b>	<b>48.552.878.934</b>	<b>48.552.878.934</b>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>101.810.248</b>	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	101.810.248	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>79.264.140.992</b>	<b>68.040.488.517</b>
Công ty TNHH VINAMEN	4.268.271.141	5.232.580.340
Công ty TNHH Thương mại và Vật liệu Xây dựng Thành Phát	14.234.870.531	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hùng Ngọc	11.541.690.394	14.620.634.450
Công Ty TNHH Gạch Men Minh Long	-	6.263.766.598
Các đối tượng khác	49.219.308.926	41.923.507.129
	<b>79.365.951.240</b>	<b>68.040.488.517</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	16.017.982.147	16.657.325.841	639.343.694	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	257.848.500	258.124.110	275.610	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	15.458.865.622	13.291.791.110	15.458.865.622	-	13.291.791.110
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.719.451.916	3.338.366.672	4.348.096.923	-	1.709.721.665
Thuế Tài nguyên	-	-	34.113.600	34.113.600	-	-
Các loại thuế khác	-	2.944.214.616	72.461.299	3.086.137.214	69.461.299	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	12.491.500	12.491.500	-	-
	-	<b>21.122.532.154</b>	<b>33.025.054.828</b>	<b>39.855.154.810</b>	<b>709.080.603</b>	<b>15.001.512.775</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.554.193.134	973.730.310
- Trích trước chi phí tiền điện	1.963.089.842	1.645.451.218
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	6.204.602.562	9.886.422.942
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí khô	6.764.661.692	-
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	495.886.591	714.240.120
- Trích trước chi phí xuất nhập khẩu	413.231.993	1.230.378.947
	<b>17.395.665.814</b>	<b>14.450.223.537</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Phải trả quỹ công đoàn cơ sở	6.077.441.572	5.316.761.822
- Bảo hiểm xã hội	1.141.841.203	2.788.258.228
- Bảo hiểm y tế	200.307.013	187.822.800
- Bảo hiểm thất nghiệp	86.603.703	83.252.800
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	205.500.000	205.500.000
- Khoản mượn tiền (*)	3.729.627.778	-
- Khoản mở LC Upas tại Ngân hàng TMCP Quân đội	-	49.999.944.261
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.050.621.663	2.648.584.164
	<b>17.491.942.932</b>	<b>61.230.124.075</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Cán bộ Công nhân viên	8.012.795.957	2.573.206.322
- Công ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu Tư Royal House	689.185.205	-
- Công đoàn cấp cơ sở	5.955.571.452	5.316.761.822
- Cơ quan bảo hiểm	1.166.687.713	3.059.333.828
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	49.999.944.261
- Các đối tượng khác	1.667.702.605	280.877.842
	<b>17.491.942.932</b>	<b>61.230.124.075</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.220.000.000	150.000.000
	<b>5.220.000.000</b>	<b>150.000.000</b>
<b>b.2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Công ty TNHH Quảng Lộc Phát	5.220.000.000	150.000.000
	<b>5.220.000.000</b>	<b>150.000.000</b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu Tư Royal House	689.185.205	-
	<b>689.185.205</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản mượn tiền bà Lê Thị Vi Na có giá trị 3.279.627.778 VND không tính lãi suất nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>833.835.440.802</b>	<b>833.835.440.802</b>	<b>1.818.403.787.852</b>	<b>1.389.612.314.346</b>	<b>1.262.626.914.308</b>	<b>1.262.626.914.308</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	154.281.071.705	154.281.071.705	259.748.281.205	264.530.585.913	149.498.766.997	149.498.766.997
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai (2)	108.702.665.268	108.702.665.268	146.868.975.657	147.357.881.019	108.213.759.906	108.213.759.906
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất (3)	144.612.906.773	144.612.906.773	192.865.318.751	207.888.905.077	129.589.320.447	129.589.320.447
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển - Chi nhánh Vũng Tàu (4)	120.376.628.422	120.376.628.422	214.028.742.268	213.404.187.581	121.001.183.109	121.001.183.109
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	59.987.514.015	59.987.514.015	29.887.445.504	89.874.959.519	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Gia Định (5)	59.877.556.533	59.877.556.533	59.962.433.792	59.877.556.533	59.962.433.792	59.962.433.792
- Ngân Hàng TMCP An Bình Chi nhánh Sài Gòn (6)	99.997.098.086	99.997.098.086	99.979.746.331	99.997.098.086	99.979.746.331	99.979.746.331
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam <sup>(7)</sup>	80.000.000.000	80.000.000.000	79.999.969.184	80.000.000.000	79.999.969.184	79.999.969.184
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn (8)	-	-	215.036.034.887	65.039.207.591	149.996.827.296	149.996.827.296
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh tp. Hồ Chí Minh (9)	-	-	151.934.675.739	51.940.969.727	99.993.706.012	99.993.706.012
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (10)	6.000.000.000	6.000.000.000	164.238.274.295	81.822.605.704	88.415.668.591	88.415.668.591
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (11)	-	-	203.853.890.239	27.878.357.596	175.975.532.643	175.975.532.643

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp)**

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>30.384.053.163</b>	<b>30.384.053.163</b>	<b>39.353.851.607</b>	<b>18.755.527.858</b>	<b>50.982.376.912</b>	<b>50.982.376.912</b>
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (12)	5.069.966.000	5.069.966.000	5.163.131.200	5.069.966.000	5.163.131.200	5.163.131.200
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (13)	18.128.525.305	18.128.525.305	27.371.474.695	6.500.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaileas (14)	5.250.531.354	5.250.531.354	4.884.215.208	5.250.531.354	4.884.215.208	4.884.215.208
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust (15)	1.935.030.504	1.935.030.504	1.935.030.504	1.935.030.504	1.935.030.504	1.935.030.504
	<b>864.219.493.965</b>	<b>864.219.493.965</b>	<b>1.857.757.639.459</b>	<b>1.408.367.842.204</b>	<b>1.313.609.291.220</b>	<b>1.313.609.291.220</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (12)	12.461.011.428	12.461.011.428	2.004.480.000	5.954.168.800	8.511.322.628	8.511.322.628
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh KCN Biên Hòa	320.468.644.061	320.468.644.061	72.877.343.948	6.500.000.000	386.845.988.009	386.845.988.009
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease (14)	11.355.800.370	11.355.800.370	-	5.250.531.354	6.105.269.016	6.105.269.016
- Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust (15)	9.352.647.458	9.352.647.458	-	1.935.030.504	7.417.616.954	7.417.616.954
	<b>353.638.103.317</b>	<b>353.638.103.317</b>	<b>74.881.823.948</b>	<b>19.639.730.658</b>	<b>408.880.196.607</b>	<b>408.880.196.607</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(30.384.053.163)	(30.384.053.163)	(39.353.851.607)	(18.755.527.858)	(50.982.376.912)	(50.982.376.912)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>323.254.050.154</b>	<b>323.254.050.154</b>			<b>357.897.819.695</b>	<b>357.897.819.695</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2025 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2025 (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
<b>(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa</b>				<b>149.498.766.997</b>				
01/2024-HĐCVHM/NHCT682 - HOANGGIA và văn bản sửa đổi, bổ sung	21/11/2024	150.000.000.000	149.498.766.997 VND	149.498.766.997	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	30/04/2026	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
<b>(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai</b>				<b>108.213.759.906</b>				
202025393705/L1/03	24/02/2025	110.000.000.000	101.569.657.376 VND và 251,890 USD	108.213.759.906	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
<b>(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất</b>				<b>129.589.320.447</b>				
01/2025/7856791/HĐT D	05/08/2025	150.000.000.000	129.589.320.447 VND	129.589.320.447	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
<b>(4) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển - Chi nhánh Vũng Tàu</b>				<b>121.001.183.109</b>				
VN0010144.250/25/D N	28/11/2025	155.000.000.000	115.845.754.937 VND và 195,451.65 USD	121.001.183.109	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
<b>(5) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Gia Định</b>				<b>59.962.433.792</b>				
240496.24.220.828327.TD	30/08/2024	70.000.000.000	59.962.433.792 VND	59.962.433.792	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch ốp lát	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
<b>(6) Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Sài Gòn</b>				<b>99.979.746.331</b>				
2747/24/TD/SME/029	21/09/2024	100.000.000.000	99.979.746.331 VND	99.979.746.331	Tài trợ bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men các loại	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2025 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2025 (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
<b>(7) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam</b>				<b>79.999.969.184</b>				
VN12401531/2025/W BVN300 và	12/11/2025	80.000.000.000	79.999.969.184 VND	79.999.969.184	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
<b>(8) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn</b>				<b>149.996.827.296</b>				
1061986.24	15/01/2025	150.000.000.000	149.996.827.296 VND	149.996.827.296	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi, Hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty.
<b>(09) Ngân hàng TNHH một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b>				<b>99.993.706.012</b>				
UOB/HCMC/CMB-HG-1004	09/01/2025	100.000.000.000	99.993.706.012 VND	99.993.706.012	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Hợp đồng tiền gửi, các khoản phải thu theo hình thức thả nổi và bảo lãnh cá nhân trị giá 100 tỷ VNĐ thực hiện bởi ông Đình Việt Anh.
<b>(10) Ngân hàng TMCP Quân Đội</b>				<b>88.415.668.591</b>				
353225.25.220.329296 18.TD	12/11/2025	150.000.000.000	88.415.668.591 VND	88.415.668.591	Phục vụ hoạt động kinh doanh sản xuất Gạch Porcelain	12/11/2026	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
<b>(11) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa</b>				<b>175.975.532.643</b>				
02/2025-HĐCVHM/NHCT682-RSS	29/12/2025	150.000.000.000	175.975.532.643 VND	175.975.532.643	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2025 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
<b>(12) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)</b>			<b>8.511.322.628</b>	<b>5.163.131.200</b>				
SBL010202210047	28/10/2022	584.800.000	146.200.000	146.200.000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%/năm	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38
SBL010202208067	31/08/2022	6.821.071.780	2.249.494.100	1.799.595.200	Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD
SBL01020230310	10/03/2023	4.549.159.200	767.477.200	511.652.000	Đầu tư 03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA của Xincheng International Co.,Ltd	52 tháng	10,5%/năm	03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất Xincheng International Co.,Ltd
SBL010202307039	01/08/2023	2.361.051.828	878.660.528	439.330.400	Đầu tư hệ thống bù gạch nhãn hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023	48 tháng	10,5%/năm	Hệ thống bù gạch nhãn hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023
SBL010202311033	21/11/2023	1.078.707.101	404.514.800	202.257.600	Đầu tư máy làm mát gạch sử dụng trong dây chuyền SX gạch men, nhãn hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy	48 tháng	9,7%/năm	Máy làm mát gạch sử dụng trong dây chuyền SX gạch men, nhãn hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy
SBL010202301025	31/01/2023	8.962.800.000	2.494.800.000	1.663.200.000	Đầu tư 01 máy phun kỹ thuật số, 01 máy phủ men khô, hãng sản xuất Foshan Sanshui Yingjie Precision Machinery Co., LTD	48 tháng	10,5%/năm	01 máy phun kỹ thuật số model K8-700(560)/6+2. 01 máy phủ men khô model GL-P1200/L3.4WP
LA010202510069	31/10/2025	2.004.480.000	1.570.176.000	400.896.000	Đầu tư Xe nâng nhãn hiệu NOBLELIFT, model: CPCD25-AS1/ CPCD25, sản xuất năm 2024/2025, xuất xứ TQ, mới 100%	48 tháng	8%/năm	Xe nâng nhãn hiệu NOBLELIFT, model: CPCD25-AS1/ CPCD25, sản xuất năm 2024/2025, xuất xứ TQ, mới 100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2025 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản bảo đảm
<b>(13) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa</b>			<b>383.530.018.809</b>	<b>39.000.000.000</b>				
08/2023- HĐCVDADT/NHCT68 2-HGK	06/09/2023	400.000.000.000	383.530.018.809	39.000.000.000	Dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0	144 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
<b>(14) Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease C240200102</b>			<b>6.105.269.016</b>	<b>4.884.215.208</b>				
CP-CILC00102.2024	14/03/2024	14.652.645.640	6.105.269.016	4.884.215.208	Máy móc thiết bị xưởng GTT2 - Hoàng Gia	60 tháng	8,73%/năm	Máy móc thiết bị xưởng GTT2 - Hoàng Gia
<b>(15) CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH BIDV-SUMI TRUST- CN TP HCM</b>			<b>7.417.616.954</b>	<b>1.935.030.504</b>				
2182400068	25/09/2024	9.513.900.000	7.417.616.954	1.935.030.504	Xe ô tô Lexus, Biển số 51L-222.44	60 tháng	8,10%/năm	Xe ô tô Lexus, Biển số 51L-222.44

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>40.010.480.000</b>	-	<b>218.347.257.811</b>	<b>21.525.988.179</b>	<b>729.883.725.990</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	15.384.772.000	15.384.772.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	67.503.109.847	29.014.313	67.532.124.160
Phân phối lợi nhuận	-	-	57.353.390.932	(122.435.848.816)	-	(65.082.457.884)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>40.010.480.000</b>	<b>57.353.390.932</b>	<b>163.414.518.842</b>	<b>36.939.774.492</b>	<b>747.718.164.266</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>40.010.480.000</b>	<b>57.353.390.932</b>	<b>163.414.518.842</b>	<b>36.939.774.492</b>	<b>747.718.164.266</b>
Thay đổi lợi ích trong Công ty con (*)	-	-	-	278.589.114	(278.589.114)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	37.370.804.740	273.793.741	37.644.598.481
Phân phối lợi nhuận	-	-	37.043.284.891	(52.386.718.032)	-	(15.343.433.141)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>40.010.480.000</b>	<b>94.396.675.823</b>	<b>148.677.194.664</b>	<b>36.934.979.119</b>	<b>770.019.329.606</b>

(\*) Trong năm 2025 Công ty con Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Sintered Stone đã thực hiện tăng vốn từ 250 tỷ VND lên 370 tỷ VND qua hình thức Công ty mẹ góp thêm vốn. Mục đích tăng vốn nhằm đầu tư dự án nhà máy gạch Porcelain 4.0. Đến thời điểm 31/12/2025 việc tăng vốn đã hoàn thành khiến tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ tăng từ mức 88,17% lên 92%, đã làm thay đổi giá trị lợi ích của Công ty và của cổ đông không kiểm soát tại công ty này.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 31/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	123.477.616.304
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00	37.043.284.891
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	7,00	8.643.433.141
Chi bổ sung thù lao hội đồng quản trị, ủy ban kiểm toán	5,43	6.700.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	43,73	54.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	13,84	17.090.898.272

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Đinh Việt Anh	20,80	93.600.000.000	20,80	93.600.000.000
Bà Lê Thị Vi Na	2,22	10.000.000.000	19,72	88.740.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê	10,70	48.160.000.000	15,08	67.860.000.000
Ông Huỳnh Quang Bá	3,60	16.200.000.000	3,60	16.200.000.000
Ông Trương Văn Việt	0,87	3.930.000.000	0,87	3.930.000.000
Các cổ đông khác	61,80	278.110.000.000	39,93	179.670.000.000
	<b>100,00</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>450.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	450.000.000.000	450.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	450.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	90.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	205.500.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	45.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	45.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	(44.794.500.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(44.794.500.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>205.500.000</b>	<b>205.500.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	94.396.675.823	57.353.390.932
	<b>94.396.675.823</b>	<b>57.353.390.932</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê 90.171 m2 đất để xây dựng nhà xưởng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú - Đồng Nai. Vào ngày 31/12/2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.863.681.548	5.469.400.548
- Trên 1 năm đến 5 năm	25.282.726.740	23.705.602.740
- Trên 5 năm	163.179.486.178	156.486.049.726
	<b><u>194.325.894.466</u></b>	<b><u>185.661.053.014</u></b>

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	12.956,92	25.774,51

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	869.682.575.585	869.117.125.937
Doanh thu bán hàng hóa	430.210.218.640	384.709.594.881
Doanh thu bán nguyên vật liệu	792.805.650.362	432.008.307.248
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.010.644.201	6.233.270.792
	<b><u>2.095.709.088.788</u></b>	<b><u>1.692.068.298.858</u></b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	<b><u>263.742.213.451</u></b>	<b><u>233.238.665.751</u></b>

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	56.166.614	231
	<b><u>56.166.614</u></b>	<b><u>231</u></b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	634.122.993.891	647.873.186.615
Giá vốn của hàng hóa đã bán	406.249.691.729	350.683.065.463
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	776.581.625.777	419.154.210.152
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.495.417.070	8.218.465.322
	<b><u>1.823.449.728.467</u></b>	<b><u>1.425.928.927.552</u></b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)		
Tổng giá trị mua vào:	<b><u>48.112.898.508</u></b>	<b><u>31.566.852.384</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.491.191.816	2.942.754.831
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.534.958.353	5.816.082.064
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	5.184.724.932	-
	<b>23.210.875.101</b>	<b>8.758.836.895</b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	102.237.552.590	56.620.018.291
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	250.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.233.072.171	3.021.089.714
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.358.822.835	2.350.071.344
Chi phí tài chính khác	983.934	-
	<b>114.080.431.530</b>	<b>61.991.179.349</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.538.847.191	2.986.510.710
Chi phí nhân công	13.680.542.129	14.023.610.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	923.983.136	621.530.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.449.660.507	58.366.896.326
Chi phí khác bằng tiền	1.851.263.216	191.606.465
	<b>71.444.296.179</b>	<b>76.190.154.054</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	822.390.217	-
Chi phí nhân công	26.269.599.482	26.432.003.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.543.006.338	3.317.836.977
Thuế, phí, lệ phí	593.729.332	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.073.313.756	34.584.538.716
Phân bổ lợi thế thương mại	924.754.684	924.754.684
Chi phí khác bằng tiền	5.421.893.293	632.609.206
	<b>67.648.687.102</b>	<b>65.898.742.680</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**30 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	181.818.182	1.231.265.860
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường	283.500.000	17.030.500
Bán phế liệu	7.685.000	42.429.230
Thu nhập khác	34.617.590	73.748.295
	<b>507.620.772</b>	<b>1.364.473.885</b>

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.907.284.345	1.274.158.407
Thanh lý phế liệu	2.271.814	712.015.928
Xuất hàng khuyến mại chưa đăng ký với sở Công thương	-	2.710.958.408
Chi phí khác	408.701.684	198.829.806
	<b>2.318.257.843</b>	<b>4.895.962.549</b>

**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	13.291.791.110	15.348.552.796
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Royal Sintered Stone	-	110.312.826
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>13.291.791.110</b>	<b>15.458.865.622</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	1.620.972.866
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	15.348.552.796	21.370.585.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(15.348.552.796)	(22.991.558.787)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>13.291.791.110</b>	<b>15.458.865.622</b>

**33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	370.021.161
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>370.021.161</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	12.830.040.745	13.252.524.817
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>12.830.040.745</b>	<b>13.252.524.817</b>

**c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	370.021.161	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(370.021.161)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(422.484.072)	(422.484.072)
	<b>(52.462.911)</b>	<b>(792.505.233)</b>

**34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	37.370.804.740	67.503.109.847
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.370.804.740	67.503.109.847
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	45.000.000	45.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>830</b>	<b>1.500</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	465.036.664.493	470.545.034.765
Chi phí nhân công	137.107.786.065	131.021.060.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.385.323.976	36.797.703.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.652.480.384	168.936.743.995
Chi phí khác bằng tiền	8.088.808.692	831.215.671
	<b>855.271.063.610</b>	<b>808.131.759.092</b>

**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Tiền	8.853.329.850	-	-	8.853.329.850
Phải thu khách hàng, phải thu khác	601.491.064.968	6.599.939.016	-	608.091.003.984
Các khoản cho	235.748.268.161	-	-	235.748.268.161
	<b>846.092.662.979</b>	<b>6.599.939.016</b>	<b>-</b>	<b>852.692.601.995</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Tiền	38.270.348.068	-	-	38.270.348.068
Phải thu khách hàng, phải thu khác	518.229.489.706	6.246.856.657	-	524.476.346.363
Các khoản cho vay	158.435.580.071	3.000.000.000	-	161.435.580.071
	<b>714.935.417.845</b>	<b>9.246.856.657</b>	<b>-</b>	<b>724.182.274.502</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Vay và nợ	1.313.609.291.220	357.897.819.695	-	1.671.507.110.915
Phải trả người bán, phải trả khác	335.320.211.142	54.436.060.600	-	389.756.271.742
Chi phí phải trả	17.395.665.814	-	-	17.395.665.814
	<u>1.666.325.168.176</u>	<u>412.333.880.295</u>	<u>-</u>	<u>2.078.659.048.471</u>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Vay và nợ	864.219.493.965	323.254.050.154	-	1.187.473.544.119
Phải trả người bán, phải trả khác	339.845.788.680	48.702.878.934	-	388.548.667.614
Chi phí phải trả	14.450.223.537	-	-	14.450.223.537
	<u>1.218.515.506.182</u>	<u>371.956.929.088</u>	<u>-</u>	<u>1.590.472.435.270</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****a) Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Sản phẩm Gạch Ceramic	Sản phẩm Gạch Porcelain	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
		VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	645.421.392.654	579.550.038.272	870.681.491.248	2.095.652.922.174
Chi phí bộ phận trực tiếp	532.307.288.825	431.567.357.548	859.575.082.094	1.823.449.728.467
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<u>113.114.103.829</u>	<u>147.982.680.724</u>	<u>11.106.409.154</u>	<u>272.203.193.707</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Sản phẩm Gạch Ceramic	Sản phẩm Gạch Porcelain VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Tổng chi phí mua TSCĐ				347.230.872.323
Tài sản bộ phận trực tiếp	801.380.289.403	719.582.419.045	1.080.767.508.689	2.601.730.217.137
Tài sản không phân bổ				391.586.526.483
<b>Tổng tài sản</b>	<b>801.380.289.403</b>	<b>719.582.419.045</b>	<b>1.080.767.508.689</b>	<b>2.993.316.743.620</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	684.922.261.255	615.996.063.448	922.379.089.311	2.223.297.414.014
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>684.922.261.255</b>	<b>615.996.063.448</b>	<b>922.379.089.311</b>	<b>2.223.297.414.014</b>
<b>b) Theo khu vực địa lý</b>				<b>Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND</b>
		Trong nước VND	Xuất khẩu VND	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.877.491.889.423	218.161.032.751	2.095.652.922.174
Tài sản bộ phận				2.993.316.743.620
Tổng chi phí mua TSCĐ				347.230.872.323

**39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale và là vợ của ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Công ty liên kết Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty đến thời điểm 10/11/2025.
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, là vợ của ông Đinh Việt Anh.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của ông Đinh Việt Anh
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Vợ ông Đinh Việt Anh - Chủ tịch HĐQT.
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngày 02/07/2024)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi - vợ của ông Đinh Việt Anh
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Bính	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 15/08/2025
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>263.742.213.451</b>	<b>233.238.665.751</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House	79.392.634.816	8.793.033.153
Công ty Cổ phần Vinagres	124.198.614.094	115.945.448.928
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	32.395.655.631	39.846.154.164
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	12.687.640	36.245.127.418
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	27.742.621.270	32.408.902.088
<b>Mua hàng</b>	<b>48.112.898.508</b>	<b>31.566.852.384</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House	3.260.894.772	203.320.000
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	35.840.003.736	9.946.200.984
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	9.012.000.000	21.417.331.400

**Thu nhập của người quản lý chủ chốt**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
		VND	VND
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán	4.518.777.620	907.774.280
Ông Trương Văn Việt	Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 02/07/2024	828.793.460	737.299.610
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 02/07/2024, thành viên	-	402.713.050
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	718.725.450	705.073.140
Ông Nguyễn Anh Bính	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 15/08/2025	252.665.670	396.403.150
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	818.562.930	625.677.500

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú,  
Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**40 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

**Huỳnh Thị Hải Yến**  
Người lập

**Nguyễn Thị Kim Loan**  
Kế toán trưởng



**Trương Văn Việt**  
Tổng Giám đốc



*Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

